

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2022/KDTM-PT**

Ngày: 28/6/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và ông Hoàng Quý sừu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thuý Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Quang Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2020/TLPT- KDTM ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/QĐPT-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH A

Địa chỉ: Số 22 H V, phường LTT, quận HK, thành phố H N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đ - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Ngân hàng VP Bank

Địa chỉ: Số 89 L H, phường L H, quận Đ Đ, thành phố H N.

Văn bản ủy quyền số 17209/2015/UQ.VAMC2 - VPBank ngày 26/08/2015 giữa Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng với Ngân hàng TMCP Việt Nam T V. Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng ủy quyền số 17209/2015/UQ.VAMC2 - VPBank ngày 18/7/2016 giữa Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng với Ngân hàng TMCP Việt Nam T V

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trương Công Đ, sinh năm 1991; bà Trần Thị T1; bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 - chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam T V. (Theo giấy uỷ quyền số 2101/2020/UQ- VPB ngày 4/5/2020) (bà L, ông Đ có mặt, bà T1 vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH NM

Địa chỉ tại: Tầng 1, Số nhà 308/1 đường C M T 8, tổ 22, phường P X, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên. Nay có địa chỉ: Tổ 26, phường C G, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh M - Chức vụ: Giám đốc. (ông M vắng mặt tại phiên tòa)

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1986 và ông Phạm Trung K, sinh năm 1981 - Luật sư thuộc công ty Luật TNHH K và cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên (Ông K và bà N A vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Hoàng T, sinh năm 1978 (vắng mặt)
2. Bà Vũ Huyền N, sinh năm 1985 (vắng mặt)
3. Ông Đỗ Hoàng K1, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 28, cụm 5A, An T, Yên P, Tây H, Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T, bà N, Ông K: Bà Phạm Ngọc A1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 26, phường P Đ P, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên. (Bà Phạm Ngọc A1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn trình bày như sau: Ngày 16/04/2013, Công ty TNHH TM NM ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 020/2013/HĐHM-TNG. Theo đó, VP Bank đồng ý cấp hạn mức cho Công ty TNHH TM NM số tiền là 5.000.000.000 đồng (Năm tỉ đồng) với mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép, gia công kết cấu thép.

Thực hiện Hợp đồng nêu trên, VP Bank đã giải ngân cho Công ty TNHH TM NM tổng số tiền là 4.295.400.000 đồng (bốn tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng) theo các Khế ước nhận nợ kèm theo. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên gồm:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại: Thửa đất số 64-1, Tờ bản đồ số 8H-I-2, số 64 An T, tổ 28B, cụm 5A, phường Yên P, quận Tây H, thành phố H N, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đỗ Hoàng T và bà Vũ Huyền N, theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số: AN 036218, do UBND thành phố H N cấp ngày 24/06/2008, xác nhận thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp số Công chứng 1297/2012 ngày 06/11/2012 cùng các Phụ lục Hợp đồng kèm theo.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại: Thửa đất số 64-2, Tờ bản đồ số 8H-I-2, số 64 An T, tổ 28B, cụm 5A, phường Yên P, quận Tây H, thành phố H N, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đỗ Hoàng K1 theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số: AN 036219, do UBND thành phố H N cấp ngày 24/06/2008, xác nhận thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp số Công chứng 4330 09 ngày 07/04/2009 cùng các Phụ lục Hợp đồng kèm theo.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty TNHH TM NM đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với VP Bank kể từ ngày 11/04/2014 nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất quá hạn (theo điểm a khoản 1 Điều 8

của Hợp đồng tín dụng). VPBank đã đơn đốc phía Công ty TNHH TM NM nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ của mình, tuy nhiên phía Công ty TNHH TM NM vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình cho đến nay.

Tạm tính đến ngày 06/3/2020 Công ty TNHH TM NM còn nợ VP Bank số tiền là: gốc: 3.350.693.221 đồng; nợ lãi trong hạn: 38.147.272 đồng; Nợ lãi quá hạn: 3.138.277.567 đồng. Tổng cộng: **6.527.068.060 đồng**. (Sáu tỷ, năm trăm hai bảy triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm sáu mươi đồng).

Ngày 26/8/2015 VP Bank đã bán khoản nợ của Công ty TNHH TM NM cho VAMC theo Hợp đồng mua, bán nợ số 17208/2015/MBN.VAMC2-VPBANK. Theo Hợp đồng mua bán nợ và quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định 53/2013/NĐ-CP thì VAMC có toàn quyền đối với khoản nợ của Công ty TNHH TM NM tại VP Bank. Với quy định này, VAMC có quyền thực hiện các quyền của bên nhận bảo đảm đối với khoản vay của Công ty TNHH TM NM; trong đó có quyền đề nghị xử lý tài sản này khi Công ty TNHH TM NM vi phạm nghĩa vụ trả nợ với VAMC. Ngày 24/6/2019, VAMC đã bán khoản nợ của Công ty TNHH TM NM cho VPBank theo Hợp đồng mua bán nợ số: 1505/2019/ BN.VAMC1-VP BANK. Theo Hợp đồng mua bán nợ này, VAMC đã chuyển quyền chủ nợ của khoản nợ nêu trên cho VPBank, VPBank được kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của VAMC đối với khoản nợ đã mua; quyền và nghĩa vụ của VAMC đối với bên bảo đảm cho khoản nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm và các thỏa thuận khác có liên quan.

Nay Ngân hàng TMCP Việt Nam T V (VP Bank) đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty TNHH TM NM thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T V (VP Bank). Trường hợp Công ty TNHH TM NM không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì đề nghị Tòa án tuyên trong bản án Ngân hàng TMCP Việt Nam T V (VP Bank) có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T V (VP Bank) đối với những tài sản thế chấp nêu trên. Trong trường hợp các tài sản nêu trên không đủ bảo đảm cho nghĩa vụ của khoản vay, thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T V (VP Bank) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiếp tục kê biên phát mại các tài sản khác của Công ty TNHH TM NM để thu hồi nợ.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày: Công ty TNHH TM NM đã ký hợp đồng tín dụng số 020/2013/HĐHM-TNG ngày 16/04/2013, Công ty TNHH TM NM trụ sở tại: Tầng 1, số nhà 308/1, đường C M T 8, tổ 22, phường P X, thành phố T N, đại diện là ông Phạm Thanh M - Chức vụ: Giám đốc, vay tại VPBank Thái Nguyên với tổng số tiền (tính trên các hợp đồng, khế ước nhận nợ còn dư nợ) là 4.295.400.000đ (Bốn tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Tạm tính đến ngày 06/3/2020 Công ty TNHH TM NM còn nợ VPBank số tiền là:

- Nợ gốc: 3.350.693.221 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 38.147.272 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 3.138.277.567 đồng;

- Tổng cộng: 6.527.068.060 đồng. (Sáu tỷ, năm trăm hai bảy triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm sáu mươi đồng).

Tài sản thế chấp là:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại: Thửa đất số 64-1, Tờ bản đồ số 8H-I-2, số 64 An T, tổ 28B, cụm 5A, phường Yên P, quận Tây H, thành phố H N, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đỗ Hoàng T và bà Vũ Huyền N, theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số: AN 036218, do UBND thành phố H N cấp ngày 24/06/2008, xác nhận thế chấp tại VP Bank theo Hợp đồng thế chấp số Công chứng 1297/2012 ngày 06/11/2012 cùng các Phụ lục Hợp đồng kèm theo.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại: Thửa đất số 64-2, Tờ bản đồ số 8H-I-2, số 64 An T, tổ 28B, cụm 5A, phường Yên P, quận Tây H, thành phố H N, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đỗ Hoàng K1 theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số: AN 036219, do UBND thành phố H N cấp ngày 24/06/2008, xác nhận thế chấp tại VP Bank theo Hợp đồng thế chấp số Công chứng 4330 09 ngày 07/04/2009 cùng các Phụ lục Hợp đồng kèm theo.

Nay Công ty TNHH TM NM chỉ chấp nhận thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.624.050.000 đồng. Còn tài sản thế chấp do nguyên đơn vi phạm về quy định giao dịch bảo đảm nên không chấp nhận đề nghị nguyên đơn trả lại tài sản thế chấp.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hoàng T và bà Vũ Huyền N trình bày:

Vợ chồng ông đã ký hợp đồng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại: Thửa đất số 64-1, Tờ bản đồ số 8H-I-2, số 64 An T, tổ 28 B, cụm 5A, phường Yên P, quận Tây H, thành phố H N, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đỗ Hoàng T và bà Vũ Huyền N, theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số: AN 036218, do UBND thành phố H N cấp ngày 24/06/2008.

Ngày 27/02/2009 vợ chồng ông đã ký hợp đồng thế chấp Công chứng số: 2347 09. Đến ngày 06/11/2012 lại ký tiếp Hợp đồng thế chấp Công chứng số: 1297/2012 cùng các phụ lục Hợp đồng kèm theo để Công ty TNHH TM NM vay tiền. Nay vợ chồng ông đề nghị Tòa giải quyết buộc Ngân hàng trả lại tài sản do làm sai các quy định về giao dịch bảo đảm làm mất quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Hoàng K1 đã ủy quyền cho anh trai là ông Đỗ Hoàng T tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân quận Tây H (theo ủy thác của Tòa án nhân dân thành phố T N) trình bày: Em trai anh là ông Đỗ Hoàng K1, qua mối quan hệ của tôi với ông M giám đốc công ty TNHH Nhật Minh nên em trai tôi đã thế chấp cho Ngân hàng thửa đất số 64-2 tờ bản đồ 8H-I-2 có diện tích 60m² vị trí đất tại 64 An T, tổ 28B, cụm 5A, phường Yên P, Tây H, Hà Nội, đất đã được UBND thành phố H N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 036219 ngày 24/06/2008 mang tên ông Đỗ Hoàng K1, để thế chấp vay vốn tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp số Công chứng 4330 09 ngày 07/04/2009 cùng các phụ lục Hợp đồng kèm theo. Đề nghị Tòa giải quyết buộc Ngân hàng trả lại tài sản do làm sai các quy định về

giao dịch bảo đảm làm mất quyền và lợi ích hợp pháp của em trai ông là Đỗ Hoàng K1.

Với nội dung nêu trên, tại bản án số 03/2020/KDTM - ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ Khoản 4 điều 74, căn cứ các Điều 30, 35, 39, 146, 147, 235, 271 của Bộ luật dân sự; Căn cứ các Điều 91, 94, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Căn cứ khoản 1 Điều 318, các Điều 323, Điều 343, Điều 350, Khoản 1 Điều 357, 715, 717, 719, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 1 điều 365, điểm c Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật án phí và lệ phí: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của: Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC); Người thừa kế quyền và nghĩa vụ Ngân hàng TMCP Việt Nam T V (VPBank)

1. Buộc Công ty TNHH MTV NM: Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh M - Chức vụ: Giám đốc có trách nhiệm thanh toán cho: Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC); Người thừa kế quyền và nghĩa vụ Ngân hàng TMCP Việt Nam T V (VPBank) số tiền vay theo hợp đồng tín dụng 020/2013/HĐHM-TNG ngày 16/4/2013 và các Khế ước nhận nợ kèm theo, tạm tính đến ngày 06/3/2020 Công ty TNHH MTV NM còn nợ VPBank số tiền là:

- Nợ gốc: 3.350.69.,221 đồng;*
- Nợ lãi trong hạn: 38.147.272 đồng;*
- Nợ lãi quá hạn: 3.138.277.567 đồng;*
- Tổng cộng: 6.527.068.060 đồng. (Sáu tỷ, năm trăm hai bảy triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm sáu mươi đồng).*

2. Công ty TNHH MTV NM phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 020/2013/HĐHM-TNG ngày 16/4/2013 và các Khế ước nhận nợ kèm theo kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm 06/3/2020 cho đến khi thực tế thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T V (VPBank)

3. Buộc: Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC); Người thừa kế quyền và nghĩa vụ Ngân hàng TMCP Việt Nam T V (VPBank) trả lại tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại: Thửa đất số 64-1, Tờ bản đồ số 8H-I-2, số 64 An T, tổ 28B, cụm 5A, phường Yên P, quận Tây H, thành phố H N, diện tích 60m² (Sáu mươi mét vuông), địa chỉ thực tế: Số 2 ngách 310/43 N T, phường Yên P, quận Tây H, thành phố H N, thuộc quyền sở hữu, sử dụng cho ông Đỗ Hoàng T và bà Vũ Huyền N, theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số: AN 036218, do UBND thành phố H N cấp ngày 24/06/2008.*

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại: Thửa đất số 64-2, Tờ bản đồ số 8H-I-2, số 64 An T, tổ 28B, cụm 5A, phường Yên P, quận Tây H, thành phố H N, diện tích 60m² (Sáu mươi mét vuông), địa chỉ thực tế: Số 2 ngách*

310/43 N T, phường Yên P, quận Tây H, thành phố H N, thuộc quyền sở hữu, sử dụng cho ông Đỗ Hoàng K1 theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số: AN 036219, do UBND thành phố H N cấp ngày 24/06/2008.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bên đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Công ty TNHH TM NM người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh M - Chức vụ: Giám đốc phải chịu 114.527.068 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC); Người thừa kế quyền và nghĩa vụ Ngân hàng TMCP Việt Nam T V (VPBank) 58.768.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số: 0001596 ngày 12/8/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố T N.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19/3/2020 Toà án nhận được đơn kháng cáo của Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, nội dung: Yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 6/3/2020 là **6.527.068.060đ**; Ngân hàng có quyền phát mại để thu hồi nợ đối với 02 tài sản là quyền sử dụng đất thửa 64-I; bản đồ 8H-I-2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 036218, do UBND thành phố H N cấp ngày 24/6/2008 mang tên Đỗ Hoàng T và Vũ Huyền N và đất thửa 64-2; bản đồ 8H-I-2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 036219, do UBND thành phố H N cấp ngày 24/6/2008 mang tên Đỗ Hoàng K1 đều có địa chỉ tại phường Yên P, Quận Tây H, TP Hà Nội.

- Ngày 19/3/2020 bị đơn là Công ty TNHH TM NM có đơn kháng cáo, không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm về việc toà án cấp sơ thẩm buộc công ty phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 06/3/2020 là **6.527.068.060đ**; với lý do: Giải ngân vượt quá số tiền cam kết của bên thế chấp tài sản, vụ án kéo dài do lỗi của nguyên đơn; số tiền bị đơn phải thanh toán vượt quá mức Ngân hàng mua lại khoản nợ của công ty VAMC.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và bị đơn Công ty TNHH TM NM kháng cáo trong hạn luật

định, mặc dù nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm không đầy đủ theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (300.000đ/ mức 2.000.000đ). Tuy nhiên đây là lỗi của cơ quan tiến hành tố tụng, nên vẫn được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự có mặt của những người tham gia phiên toà:

Bị đơn là Công ty TNHH MTV NM, đại diện theo pháp luật là ông Phạm Thanh M vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Hoàng T, bà Vũ Huyền N, ông Đỗ Hoàng K1. Ông T, bà N, Ông K uỷ quyền cho bà Phạm Ngọc A1, bà Phạm Ngọc A1 vắng mặt không có lý do. Xét thấy những người nêu trên được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là ông Phạm Trung K và bà Nguyễn Thị Ngọc A. Ông K vắng mặt không có lý do; Bà Nguyễn Thị Ngọc A có đơn xin hoãn phiên toà với lý do trùng lịch làm việc một số vụ án khác; sau khi vụ án tạm đình chỉ chưa nghiên cứu, sao chụp các tài liệu mà toà án thu thập. Hội đồng xét xử thấy: Vụ án sau khi hết lý do tạm đình chỉ đã được tiếp tục giải quyết, đã mở lại phiên toà và Luật sư đã được tổng đạt giấy triệu tập phiên toà hợp lệ nhiều lần. Đối với phiên toà ngày hôm nay (28/6/2022) thì vào lúc 7h30 ngày 01/6/2022 bà Nguyễn Thị Ngọc A đã được tổng đạt giấy triệu tập phiên toà số 237/GTT-TA ngày 30/5/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Như vậy, không có căn cứ chấp nhận đơn xin hoãn phiên toà của bà Nguyễn Thị Ngọc A.

[2] Về nội dung:

[2.1]: Xét kháng cáo của Công ty TNHH MTV NM thấy: Công ty TNHH MTV NM vắng mặt tại phiên toà phúc thẩm mặc dù đã được triệu tập lần thứ hai mà không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo của phía bị đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn.

[2.2] Xét kháng cáo của Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam thấy rằng: Tại phiên toà phúc thẩm Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam rút một phần nội dung kháng cáo đó là yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 6/3/2020 là 6.527.068.060đ; Giữ nguyên kháng cáo về nội dung Ngân hàng được phát mại 02 tài sản đảm bảo của ông Đỗ Hoàng T, bà Vũ Huyền N, ông Đỗ Hoàng K1 để đảm bảo cho Công ty TNHH MTV NM khi không thanh toán được khoản vay.

[2.3] Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa 64-1, tờ bản đồ số 8H-I-2, số 64 An T, tổ 28B, cụm 5A, phường Yên P, quận Tây H, thành phố H N, diện tích 60m²; nhà bê tông 01 tầng diện tích xây dựng 42m², diện tích sử dụng 37m² thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đỗ Hoàng T và bà Vũ Huyền N, theo GCNQSD đất số: AN 036218, do UBND thành phố H N cấp ngày 24/06/2008. Giá trị tài sản thế chấp được các bên xác định là 4.017.000.000đ; Ngân hàng

đồng ý cấp tín dụng cho bên vay tối đa là 2.410.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm trên đã được 2 bên ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất công chứng số 1297/2012 quyền số 02 ngày 06/11/2012, Phụ lục hợp đồng số 01 ký ngày 08/5/2013 tại văn phòng công chứng Kinh Đô, quận Thanh Xuân- TP Hà Nội; được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09/11/2012 tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Tây H (gọi tắt là HĐTC số 1297/2012 ngày 06/11/2012) (BL từ 38- 48; 68- 70).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 64-2, tờ bản đồ số 8H-I-2, số 64 An T, tổ 28B, cụm 5A, phường Yên P, quận Tây H, thành phố H N, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đỗ Hoàng K1 theo GCNQSD đất số: AN 036219, do UBND thành phố H N cấp ngày 24/06/2008. 2 bên ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số Công chứng 4330 09 quyền số 02 ngày 07/04/2009, tại văn phòng công chứng số 01 TP Hà Nội cùng các Phụ lục Hợp đồng kèm theo; được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/4/2009 tại văn phòng đăng ký đất và nhà TP Hà Nội (gọi tắt là HĐTC số 4330 09 ngày 07/4/2009) (BL từ 64, 631- 654). Giá trị tài sản thế chấp được các bên xác định là 3.000.000.000đ; Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho bên vay tối đa là 1.950.000.000 đồng.

[2.4] Xét tính hợp pháp của hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục hợp đồng thế chấp nêu trên, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy:

- Các hợp đồng thế chấp và phụ lục hợp đồng kèm theo nêu trên được ký trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các bên. Việc các bên thỏa thuận và ký hợp đồng thế chấp tài sản, các phụ lục hợp đồng kèm theo nêu trên phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 4 Bộ luật dân sự.

- Hợp đồng thế chấp số 1297/2012 ngày 06/11/2012, phụ lục hợp đồng số 01 ký ngày 08/5/2013; HĐTC số 4330 09 ngày 07/4/2009 và các phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo được giao kết không trái quy định của pháp luật.

** Về hình thức hợp đồng:*

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba là một hợp đồng bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của bên vay vốn đối với ngân hàng thương mại. Căn cứ vào các quy định của pháp luật ông Đỗ Hoàng T bà Vũ Huyền N; ông Đỗ Hoàng K1 sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình (*bên thế chấp tài sản*) thế chấp cho VP Bank (*bên nhận thế chấp*) để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH TM NM (*bên vay*) là đúng quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

** Về nội dung hợp đồng thế chấp và các phụ lục hợp đồng kèm theo:*

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất công chứng số 1297/2012 quyền số 02 ngày 06/11/2012 giữa ông Đỗ Hoàng T bà Vũ Huyền N với ngân hàng VP Bank có nội dung tại Điều 2 ghi: “*Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 của hợp đồng này bảo đảm cho việc thực hiện **toàn bộ nghĩa vụ** - bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí sử lý tài sản thế chấp (chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền*

phí thi hành án...) và tất cả nghĩa vụ liên quan khác- của **Bên vay** đối với **Bên Ngân hàng** phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng (bao gồm các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản có liên quan của các hợp đồng, văn bản đó) được ký kết giữa bên ngân hàng và bên vay trong khoảng thời gian kể từ ngày 07/11/2012 đến ngày 07/11/2017”.

[2.5] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số công chứng 4330 09 quyền số 02 ngày 07/04/2009, tại văn phòng công chứng số 01 TP Hà Nội và Phụ lục Hợp đồng số 04 được ký ngày 03/5/2013 công chứng số 2255 13 quyền số 02, tại Văn phòng công chứng số 01 TP Hà Nội giữa ông Đỗ Hoàng K1 với ngân hàng VP Bank có nội dung:

Tại HĐTC công chứng số 4330 09 ghi: “**Điều 2: Nghĩa vụ được bảo đảm**
 1. Bên thế chấp tự nguyện thế chấp toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất nói trên cho bên Ngân hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ khoản tiền nói tại điểm 2 dưới đây mà bên vay xin vay của Bên ngân hàng theo các điều kiện về thời hạn cho vay, lãi suất tiền vay và về quyền quản lý tiền cho vay của bên ngân hàng; 2. Bên Ngân hàng chấp nhận việc thế chấp toàn bộ tài sản thế chấp nói trên để đảm bảo cho số tiền tối đa là 812.000.000 đồng, trong thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận được khoản vay đầu tiên tính từ khi ký bản hợp đồng này, với lãi suất tiền vay theo quy định của bên ngân hàng”. “**Điều 3: Thời hạn thế chấp**
 1. Thời hạn thế chấp tài sản thế chấp đất nói trên có hiệu lực kể từ ngày ký bản hợp đồng này đến khi bên vay trả hết nợ (cả gốc, lãi và các chi phí phát sinh- nếu có) cho Bên ngân hàng”.

Tại phụ lục hợp đồng số 04 ngày 03/5/2013 sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số 4330 09 ngày 07/4/2009 các bên thỏa thuận: “**Điều 2: Sửa đổi khoản 2 Điều 2 của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số 4330 09 ngày 07/4/2009 và nội dung khoản 2 Điều 1 của phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba ký ngày 15/01/2010, ngày 07/3/2011, ngày 07/9/2012 tại trụ sở Phòng công chứng số 1-TP Hà Nội như sau:....** **sửa đổi thành:** Với giá trị tài sản nêu trên, Bên Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho bên vay với số tiền cao nhất là: 1.575.000.000 đồng. Tài sản thế chấp nêu tại hợp đồng này bảo đảm cho việc thực hiện **toàn bộ nghĩa vụ** - bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí sử lý tài sản thế chấp (chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền phí thi hành án...) và tất cả nghĩa vụ liên quan khác- của **Bên vay** đối với **Bên Ngân hàng** phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng (bao gồm các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản có liên quan của các hợp đồng, văn bản đó) được ký kết giữa bên ngân hàng và bên vay trong khoảng thời gian **77 tháng** kể từ ngày 07/4/2009 đến ngày 07/9/2015” ... “Phụ lục này là một phần không tách rời của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số 4330 09 ký ngày 07/4/2009. Các nội dung của hợp đồng được sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ theo Phụ lục này thực hiện theo nội dung tại phụ lục này”... Phụ lục được công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Mặc dù VPBank không tiến hành đăng ký giao dịch bảo đảm, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 23, Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-

BTP-BTNMT ngày 18/11/2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên- Môi trường hướng dẫn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất: “3. *Trường hợp bổ sung giá trị nghĩa vụ được bảo đảm mà không bổ sung tài sản bảo đảm và các bên ký kết hợp đồng sửa đổi, bổ sung hoặc ký phụ lục hợp đồng để sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp đã đăng ký thì các bên không phải thực hiện đăng ký thay đổi đối với văn bản sửa đổi, bổ sung đó*”.

Theo quy định tại Điều 408 Bộ luật dân sự 2005 về **phụ lục hợp đồng**:

1. *Kèm theo Hợp đồng có thể có phụ lục để quy định chi tiết một số điều khoản của hợp đồng. Phụ lục hợp đồng có hiệu lực như hợp đồng. Nội dung của phụ lục hợp đồng không được trái với nội dung của hợp đồng.*

2. *Trong trường hợp phụ lục hợp đồng có điều khoản trái với nội dung của điều khoản trong hợp đồng thì điều khoản này không có hiệu lực, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp các bên chấp nhận phụ lục hợp đồng có điều khoản trái với điều khoản trong hợp đồng thì coi như điều khoản đó trong hợp đồng đã được sửa đổi.*

Như vậy, việc ông Đỗ Hoàng K1 thỏa thuận ký phụ lục hợp đồng với VP Bank để sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 4330 09 là đúng quy định của pháp luật; những nội dung trong hợp đồng thế chấp được phụ lục số 04 ngày 05/3/2013 sửa đổi, bổ sung có giá trị pháp lý buộc các bên phải thực hiện.

[2.6] Do vậy các thỏa thuận nêu trên trong hợp đồng thế chấp số 1297/2012 ngày 06/11/2012 giữa ông Đỗ Hoàng T bà Vũ Huyền N với VP Bank; trong hợp đồng thế chấp số 4330 09 ký ngày 07/4/2009 và Phụ lục số 04 ngày 05/3/2013 giữa ông Đỗ Hoàng K1 với VPBank là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 **Điều 318** về biện pháp bảo đảm nghĩa vụ dân sự; **khoản 2 Điều 319** “2. Các bên được thỏa thuận về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự để bảo đảm thực hiện các loại nghĩa vụ, kể cả nghĩa vụ hiện tại, nghĩa vụ trong tương lai hoặc nghĩa vụ có điều kiện”; **Điều 344** “Các bên thỏa thuận về thời hạn thế chấp tài sản; nếu không có thỏa thuận thì việc thế chấp có thời hạn cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ được bảo đảm bằng thế chấp”.

[2.7] Về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, ngày 07/11/2012, ông Đỗ Hoàng T và bà Vũ Huyền N (bên thế chấp) cùng ngân hàng có đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Ngày 09/11/2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Tây H chứng nhận việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đã được đăng ký theo nội dung kê khai tại đơn này (BL 38, 39); ngày 07/4/2009, ông Đỗ Hoàng K1 (bên thế chấp) cùng ngân hàng có đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Cùng ngày 07/4/2009, Văn phòng đăng đất và nhà TP Hà Nội chứng nhận việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đã được đăng ký theo nội dung kê khai tại đơn này (BL 49, 50). Là thực hiện đúng hướng dẫn tại điểm 2.1 mục 2 Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số quy định của TTLT số 05/2005/TTLT/BTP-BTNMT ngày 16/6/2005 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài

nguyên và môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

“2. Sửa đổi khoản 2 Mục I như sau:

“2. Các trường hợp đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất

2.1. Thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba mà trong Luật Đất đai gọi là bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất (gọi chung là thế chấp quyền sử dụng đất)”;

Từ những phân tích trên nhận thấy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (của bên thứ ba) số 1297/2012 ngày 06/11/2012 giữa ông Đỗ Hoàng T bà Vũ Huyền N với VPBank; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số 4330 09 ký ngày 07/4/2009 và Phụ lục số 04 ngày 05/3/2013 giữa ông Đỗ Hoàng K1 với VPBank được ký trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đúng quy định của pháp luật tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do vậy hợp các đồng thế chấp và phụ lục hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực theo quy định tại Điều 122, khoản 3 Điều 323/BLDS và mục 8 phần I thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT/BTP-BTNMT ngày 16/6/2005.

Căn cứ hợp đồng thế chấp số 1297/2012 ngày 06/11/2012; phụ lục hợp đồng số 04 ngày 06/3/2013, giữa các bên tham gia hợp đồng chế chấp đã cam kết, thỏa thuận: “*Tài sản thế chấp... bảo đảm cho việc thực hiện **toàn bộ nghĩa vụ** - bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp (chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền phí thi hành án...) và tất cả nghĩa vụ liên quan khác- của Bên vay đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng (bao gồm các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản có liên quan của các hợp đồng, văn bản đó) được ký kết giữa bên ngân hàng và bên vay trong khoảng thời gian kể từ ngày 07/11/2012 đến ngày 07/11/2017 (đối với HĐTC 1297/2012) khoảng thời gian **77 tháng** kể từ ngày 07/4/2009 đến ngày 07/9/2015 (đối với Phụ lục số 04)*”

Như vậy trong các hợp đồng thế chấp và Phụ lục kèm theo không có thỏa thuận chỉ bảo đảm cho 01 Hợp đồng tín dụng nào cụ thể, mà bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của bên vay với bên ngân hàng; mặt khác trong hợp đồng thế chấp và các phụ lục kèm theo có thỏa thuận cụ thể về thời hạn thế chấp. Do vậy các nghĩa vụ của bên vay nằm trong thời hạn của hợp đồng thế chấp đều thuộc phạm vi bảo đảm của hợp đồng thế chấp và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

Việc ngân hàng VP Bank, sau khi hợp đồng tín dụng số 009/2012/HĐHM-TNG ngày 02/3/2012 giữa ngân hàng với Công ty TNHH TM NM kết thúc, tiếp tục sử dụng hợp đồng thế chấp và phụ lục hợp đồng thế chấp nêu trên để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng số 020/2013/HĐHM-TNG ngày 16/4/2013 giữa ngân hàng với Công ty TNHH TM NM mà không cần ký lại hợp đồng thế chấp là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày

22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm như sau:

5. Bổ sung Điều 8a như sau:

“Điều 8a. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ phát sinh trong tương lai

1. Trong hợp đồng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ phát sinh trong tương lai, các bên không bắt buộc phải thỏa thuận cụ thể về phạm vi của nghĩa vụ bảo đảm và thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Khi nghĩa vụ được hình thành, các bên không phải đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký”.

Đến hạn trả nợ, Công ty TNHH MTV NM không trả được nợ cho Ngân hàng là nằm trong phạm vi bảo đảm của các Hợp đồng thế chấp và phụ lục hợp đồng thế chấp nêu trên. Nếu Công ty TNHH MTV NM không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ đối với ngân hàng thì VP Bank có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để trả nợ là đúng quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của các bên (Điều 355, 336, 717, 721/BLDS; khoản 1 Điều 68 Nghị định số 163/2006 về giao dịch bảo đảm và điểm a khoản 2 Điều 81 Nghị định số 43/2014 Hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013).

[3] Trong quá trình xét xử phúc thẩm phía người liên quan là ông Đỗ Hoàng T, bà Vũ Huyền N, ông Đỗ Hoàng K1 có đơn xin giám định chữ ký trong hợp đồng hạn mức số 020/2013/HĐHM- TNG ngày 16/4/2013 giữa VP Bank và hợp đồng thế chấp số công chứng 1297/2012 ngày 6/11/2012; hợp đồng thế chấp số công chứng 43309/2009 ngày 7/4/2009. Tại bản kết luận số 308/C09-P5 ngày 17/12/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công An kết luận: “ Chữ ký đứng tên Đỗ Hoàng K1 tại trang 8 mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Đỗ Hoàng K1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết ra; Chữ ký đứng tên Đỗ Hoàng T tại trang 8 mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký của Đỗ Hoàng T trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 do cùng một người viết ra; Chữ ký đứng tên Vũ Huyền N tại trang 8 mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký của Vũ Huyền N trên các mẫu so sánh ký hiệu M6, M7 do cùng một người viết ra”

Từ phân tích trên và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định sau khi Công ty TNHH MTV NM thực hiện xong hợp đồng tín dụng ký với VP Bank năm 2010, năm 2012, ngân hàng không thực hiện xóa đăng ký bảo đảm và đăng ký mới là trái quy định của pháp luật nên không làm phát sinh hiệu lực để thi hành là không có căn cứ pháp luật, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử

từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; Đình chỉ kháng cáo của công ty TNHH Nhật Minh, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do được chấp nhận nội dung kháng cáo nên nguyên đơn Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam được trả lại toàn bộ án phí phúc thẩm đã nộp. Phía bị đơn là công ty TNHH Nhật Minh đã nộp 300.000đ còn phải nộp tiếp 1.700.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Khoản 3 Điều 296; Khoản 2 Điều 312; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 351, 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ các Điều 91 và Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A; Người thừa kế quyền và nghĩa vụ Ngân hàng VP Bank

Buộc Công ty TNHH NM có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH A; Người thừa kế quyền và nghĩa vụ Ngân hàng VP Bank số tiền vay theo hợp đồng tín dụng 020/2013/HĐHM-TNG ngày 16/4/2013 và các Khế ước nhận nợ kèm theo, tạm tính đến ngày 06/3/2020 số tiền là 6.527.068.060đ. (*Sáu tỷ, năm trăm hai bảy triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm sáu mươi đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 3.350.693.221 đồng; Nợ lãi trong hạn: 38.147.272 đồng; Nợ lãi quá hạn: 3.138.277.567 đồng.

Công ty TNHH NM phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 020/2013/HĐHM-TNG ngày 16/4/2013 và các Khế ước nhận nợ kèm theo kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm 06/3/2020 cho đến khi thực tế thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng VP Bank

Trong trường hợp Công ty TNHH NM không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ được cho số tiền nêu trên, thì Ngân hàng VP Bank có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý các tài sản đảm bảo sau để thu hồi số nợ còn thiếu là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại: Thửa đất số 64-1, Tờ bản đồ số 8H-I-2, số 64 An T, tổ 28B, cụm 5A, phường Yên P, quận Tây H, thành phố H N, diện tích 60m² (Sáu mươi mét vuông) địa chỉ thực tế: Số 2 ngách 310/43 N T, phường Yên P, quận Tây H,

thành phố H N, thuộc quyền sở hữu, sử dụng cho ông Đỗ Hoàng T và bà Vũ Huyền N, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 036218 do UBND thành phố H N cấp ngày 24/06/2008; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại: Thửa đất số 64-2, Tờ bản đồ số 8H-I-2, số 64 An T, tổ 28B, cụm 5A, phường Yên P, quận Tây H, thành phố H N, diện tích 60m² (Sáu mươi mét vuông), địa chỉ thực tế: Số 2 ngách 310/43 N T, phường Yên P, quận Tây H, thành phố H N, thuộc quyền sở hữu, sử dụng cho ông Đỗ Hoàng K1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 036219, do UBND thành phố H N cấp ngày 24/06/2008.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH NM.

3. Về án phí:

3.1: *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:* Công ty TNHH NM phải chịu 114.527.068đồng (Một trăm mười bốn triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH A; Người thừa kế quyền và nghĩa vụ Ngân hàng VP Bank 58.768.000đồng (Năm mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0001596 ngày 12/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T N.

3.2: *Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:*

Hoàn trả cho Công ty TNHH A; Người thừa kế quyền và nghĩa vụ Ngân hàng VP Bank 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002885 ngày 16/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T N.

Công ty TNHH NM phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002899 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T N. Công ty TNHH NM còn phải nộp tiếp số tiền 1.700.000đ (một triệu, bảy trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà Nước

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Các bên đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP. Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Minh Lý